Quyển 44 (Kinh số 1178 - 1197)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

1306 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 44 1178. CẢ NHÀ XUẤT GIA1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Am-la, thuộc nước Di-hy-la.*2 Bấy giờ, có thiếu phụ Bà-la-môn tên Bà-tứ-tra3 có sáu người con bỗng nhiên lần lượt qua đời. Vì quá nhớ thương con nên bà phát điên, xõa tóc, lõa hình, chạy cùng đường và đến trong vườn Am-la. Khi ây? Thê Tôn đang thuyêt pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Từ xa, thiếu phụ Bà-la-môn trông thây Thế Tôn chợt choàng tính, sanh lòng xâu hô, che lại thân mình, khép nép ngôi xuông. r-pl Á rjn /X • 9 A s cs 19 rp/X Thê Tôn bao Ton giả A-nan: Hãy lấy chiếc y uất-đa-la-tăng của thầy đem cho Bà-tứ-tra kia khoác vào để nghe pháp! Tôn giảA-nan vâng lời Phật dạy, đưa y cho bà khoác vào. Bấy giờ, thiếu phụ Bà-la-môn khoác y rồi đến trước Phật, cúi đầu lễ Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn vì bà ta mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ4 xong, giống như thường pháp của chư Phật, Thế Tôn thuyết pháp theo thứ lớp,... (cho đếrỉ) tín tâm thanh tịnh, tự thọ Tam quy. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, bà ta hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi ra ve. Sau đó, đứa con thứ bảy của ưu-bà-di Bà-tứ-tra bỗng nhiên qua đời, nhưng lần này bà không còn khóc than, buồn rầu, khổ não. Bấy giờ, chồng bà nói kệ với bà ấy: Những đứa con trước chết, Nhớ thương sanh đau buồn, Ngày đêm không ăn uống, Cho đến phát loạn cuồng, Nay chôn đứa thứ bảy, Sao lại không đau buồn? Bà nói kệ đáp: Con cháu có cả ngàn, Nhân duyên hòa hợp sanh, ___ Luôn trôi về quá khứ, FTS __ A J1_ Á Toi va ong cung the. 'Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1178. 0317b22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (02. 0100.92. 0405ỒỒ3); Thĩg. 136, Vāsetthītherīgāthā (Kê ngôn của Trưởng lão Ni VāsetthT). 2 Di-hy-la (,Mithilā). 3 Bà-tứ-tra (,Vāsetthī). ^Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(02. 0099.92. 0023cl8).

QUYỂN 44 1307

Con cháu và dòng họ, Số ấy không hạn lượng, Nơi mỗi chỗ thọ sanh, Tàn sát ăn nuốt nhau. Biết cốt lõi đời sống, Sanh buồn khổ làm gi, Tôi đã biết ra khỏi, Sự sông chét, còn mát, Không còn sanh buồn khổ, Vì vào Chánh pháp Phật. Người chồng dùng kệ khen: Tôi chưa nghe pháp này, Nay mới nghe bà nói, Nghe pháp này ở đâu, Mà dứt khổ thương con? Bà nói kệ đáp: Hôm nay, đấng Chánh Giác, ở nước Di-hy-la, Trong vườn cây Am-la, Bậc Lìa tất cả khổ. Diễn nói tất cả khổ, Khổ tập, khổ tịch diệt, Đường Thánh gồm tám chi, An ổn đến Niết-bàn. Đó là Thầy của tôi, Rất mến pháp của Ngài, Nhờ hiểu được Chánh pháp, Tôi hết khổ nhớ con. Người chồng lại nói kệ: Nay tôi cũng sẽ đến, Vườn Am-la, Di-hy, Đức The Ton cũng sẽ Dạy tôi bỏ ưu phiền. Bà nói kệ đáp lại: Nên biết Đẳng Chánh Giác, Thân sắc vàng mềm mại, Điều phục người khó diều, Đưa người qua bể khổ. Bấy giờ, Bà-la-môn liền vội vã lên xe ngựa đến vườn Am-la thuộc nước Di-hy-la. Ong vừa thây Phật, liên tăng thêm lòng kính tin, ngưỡng mộ, liên đên trước Đại sư. Khi ấy, Thế Tôn5 nói kệ khai mở pháp nhãn cho ông, nói về khổ, tập, diệt, đạo,

hướng đến Niết-bàn. Ông ấy liền thấy pháp, thành tựu giác ngộ,6 rồi thông hiểu pháp, thỉnh cầu xuất gia. Được Thế Tôn cho xuất gia rồi? ông một mình ở chỗ thanh vắng, tư duy thiền định cho đến đắc A-la-hán. Thế Tôn thọ ký rằng: “Vào đêm thứ ba, ông ấy sẽ đắc Ba minh.^^ Sau khi Bà-la-môn chứng đắc Ba minh, đức Thế Tôn liền nói: -Thầy hãy sai người đánh xe mang xe về nhà và nói cho ưu-bà-di Bà-tứ- tra biết để bà ấy phát khởi lòng tùy hỷ, rằng: "Bà-la-môn đến gặp Thế Tôn, đã khởi lòng tin thanh tinh, kính thờ làm Thầy, được Thế Tôn thuyết pháp và khai mở pháp nhãn, thấy được Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về khổ diệt và tám chi Thánh đạo, an ổn thẳng đến Niết-bàn, thành

5 Nguyên tác: Đại sư . 6 Nguyên tác: Thành vô gián đẳng .Xem chú thích 60, kinh số 23, quyển l, tr. 2l; Tạp. T.02. 0099.23. 0005b03.

tựu giác ngộ. Sau khi hiểu pháp, ông xin Phật xuất gia và Thế Tôn đã thọ ký vào đêm thứ ba ông ấy chứng đắc Ba minh.,, Khi đó, người đánh xe vâng lời căn dặn, nhanh chóng trở về nhà. Ưu-bà-di Bà-tứ-tra từ xa trông thấy người đánh xe đi xe không trở về, liền hỏi: Ông chủ có gặp được Phật không? Phật có thuyết pháp, khai thị pháp nhãn cho ông ấy thấy Thánh đế không? Người đánh xe đáp: Thưa, ông chủ đã gặp Thế Tôn, được lòng tin thanh tịnh và kính thờ Phật làm Thầy, lại được Thế Tôn khai mở pháp nhãn, dạy bốn Thánh dế, nên đã thành tựu giác ngộ. Sau khi thấu rõ pháp, ông chủ xin xuất gia và chuyên tinh tư duy thiền đinh. Thế Tôn đã thọ ký vào đêm thứ ba ông chủ đắc Ba minh. Bà vợ nghe xong, trong lòng tùy hỷ, nói với người đánh xe: Thưởng cho ông chiếc xe ngựa này và một ngàn đồng tiền vàng, vì ông đã báo tin rằng: 44Bà-la-môn Túc-xá-đế đã chứng Ba minh", khiến lòng ta hoan hỷ. Người đánh xe đáp: Nay con đâu cần xe ngựa và tiền vàng làm gì? Xin gửi lại xe ngựa và tiền vàng cho bà. Nay con sẽ đi theo ông chủ xin xuất gia. Ưu-bà-di nói: Ý cậu đã quyết thì hãy mau trở lại để theo ông chủ xuất gia, không bao lâu chắc cũng đầy đủ Ba minh như ông chủ. Người đánh xe thưa: -Đúng vậy, thưa bà! Ông chủ đã xuất gia, con cũng muốn như thế. Ưu-bà-di nói: Ông chủ đã xuất gia, cậu cũng xuất gia theo, chắc không bao lâu ta cũng sẽ đi xuất gia. Giống như con rồng chúa nương hư không bay đi thì những rồng con là rồng bé trai, rồng bé gái cũng đều bay theo. Ta cũng như thế, sẽ ôm bát, đắp y, sống đời giản dị. Người đánh xe thưa: Nếu ý nguyện của bà như vậy, ắt sẽ thành tựu. Không bao lâu nữa sẽ thấy bà cạo tóc, mặc áo hoại sắc, ít muốn biết đủ, đắp y, ôm bát đi đến từng nhà khất thực. Bà sẽ được đoạn trừ ái dục, xa lìa sự trói buộc của tham và dứt hết các phiên não đôi với âm, giới, nhập. Như vậy, ông Bà-la-môn, người đánh xe, bà ưu-bà-di Bà-tứ-tra và cô con gái là Tôn-đà-bàn-lê đều xuất gia, rồi họ đều vượt thoát khổ đau. ***

1179. MẤT BÒ7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Đại Lâm, thuộc nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn tên là Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá?8 sáng sớm đi mua bò, nhimg chưa kịp trả tiền9 thì đã bị mất bò ngay hôm đó, sáu ngày sau vẫn chưa

tìm thay. Khi ấy, Bà-la-môn đi tìm bò, lần hồi đến tinh xá Đại Lâm. Từ xa, thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung nghi đĩnh đạc, các căn thanh tịnh, tâm thể vắng lặng, thành tựu chỉ quán, toàn thân sắc vàng, hào quang chiếu diệu. Thấy như vậy rồi, ông liền đến trước Phật rồi dùng kệ hỏi: Vì sao không mong cầu, Lặng lẽ ở nơi dây, Một mình nơi chỗ vang, Mà tâm được an lạc? _ r Ạ fTĪ 4. ỉ The Ton noi kê đáp: Đoi với sự được mất, Tâm Ta không tán loạn, Bà-la-môn nên biết, Chớ nói ông giống Ta, Tâm mưu tính được mất, Tâm ấy không tự tại. Ông Bà-la-môn lại nói kệ: Chỗ Phạm chí tối thắng, Như Tỳ-kheo đã nói, Nay tôi sẽ tự nói Lời chân thật, lắng nghe. Sa-môn quyết không như Người mất bò buổi sáng, Sáu ngày tìm không được, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Người gieo trồng ruộng mè, Lo sợ bị cỏ phủ, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Người gieo lúa, thiếu nước, Sợ lúa khô chết héo, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không như Quả phụ có bảy người, Đều nuôi con côi cút, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Bảy đứa con đáng chán, Phóng túng nợ nần nhiều, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyết không có Chủ nợ đứng ngay cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thê nên sông an lạc. Sa-môn quyết không có Đồ nằm dày bảy lớp,

7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1179. 0318bl2. Tham chiếu: Biệt Tạp. rỏ2. 0100.93. 0406a26;5. 7.10 - ỉ. 170. 8 Nguyên tác: Tỳ-lê-da Bà-la-đậu-bà-giá Căn cứ vào phần cuối kinh, tên,của vị Bà-la-môn này được gọi là "Tinh Tấn Bà-l*db-gi9".ơ đây, chữ 'Tinh Tân" tương đương Pali là Viriya và được phân đâu kinh phiên âm là iiTy-le-da,9 .Còn chữ "Bà ladaub-giá"vốn được phiên âm từ Bhāradvāja. 9 Vị thường kỳ mại :Chưa thanh toán khoản tiền mua bò .

Lo lắng bắt rận rệp, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyêt không có Vợ mắt đỏ? tóc vàng,10 Ngày đêm nghe tiêng xâu, Thế nên sống an lạc. Sa-môn quyêt không có Kho rỗng, đàn chuột giỡn, Thường lo lắng, gầy ốm, Thê nên sông an lạc. The Ton noi kẹ đáp: Nay Ta quyết không như Kẻ mất bò sáng sớm, Sáu ngày tìm không ra5 Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Người gieo trồng ruộng mè, Thường sợ bị cỏ phủ, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Người làm ruộng thiếu nước, Sợ cây lúa chết khô, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không như Quả phụ có bảy người, Nuôi dưỡng con côi cút, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không có Bảy đứa con đáng chán, Phóng túng, nợ nần nhiều, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyết không có Chủ nợ giữ trước cửa, Tìm đòi của vay mượn, Thế nên sống an lạc. Nay Ta quyêt không có Đồ nằm dày bảy lớp, Lo lắng bắt rận rệp, Thế nên sống an lạc. r

Nay Ta quyêt không có Vợ mát đỏ, tóc vàng, Ngày đêm nghe tiếng ác, Thê nên sông an lạc. Nay Ta quyết không có Kho rỗng, đàn chuột giỡn, Thường lo lắng, gầy ốm5 Thế nên sống an lạc. Không xả niệm, không niệm, Chúng sanh sống an lạc5 Đoạn dục, lìa ân ái, Mà được sống an lạc. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, chỉ dạy, kMch lệ giúp Bà-la-môn Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá được hoan hỷ.11 Rồi theo pháp thường của chư Phật, Ngài thuyêt pháp tuân tự vê bô thí, trì giới,... cho đên ở trong Chánh pháp được tâm vô úy. Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay bạch Phật: Nay con có được

xuất gia trở thành Tỳ-kheo, tu Phạm hạnh ở trong Giáo pháp và Giới luật này không?10 11

10 Nguyên tác: Xích nhãn hoàng phát phụ ,chỉ cho thiểu phụ luống tuổi và đã có chông .ơ đây, “xích nhãn,^ có lẽ được dịch từ piñgalā, vừa có nghĩa là mắt đỏ, vừa có nghĩa là mặt rô hoặc tàn nhang. Theo s. 7.10 - L 170, cú ngữ này có nguyên tác: piñgalā tilakāhatā, được HT. Thích Minh Châu dịch là "VỌT đen, mặt rỗ.?, 11 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ .Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp. Ér02. 0099.92. 0023cl8.

Phật bảo Bà-la-môn: Nay ông có thể ở trong Giáo pháp và Giới luật này xuất gia, thọ Cụ túc giới, tu các Phạm hạnh,...(cho đếrỉ) chứng quả A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.12 Bấy giờ, Bà-la-môn Tinh Tấn Bà-la-đậu-bà-giá đã chứng quả A-la-hán, tự biết được an lạc, giải thoát, liền nói kệ: Nay ta thật an lạc, ở trong pháp Đại tiên, Được niềm vui lìa dục, Không uổng công thấy Phật. ***

1180. NGƯỜI TRÍ13 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại thôn xóm của Bà-la-môn, trong rừng cây Sa-la. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, Thế Tôn đắp y, ôm bát vào thôn xóm của Bà- la-môn khất thực thì bất chợt có áng mây đen xuất hiện, nên Thế Tôn nghĩ: “Ta nên đến nhà hội họp của trưởng giả Bà-la, trong thôn xóm của Blam6n." Nghĩ như thế xong, Ngài liền đi đến ngôi nhà đó. Khi ấy, các trưởng giả Bà-la- môn đang hội họp ở đó, từ xa trông thấy Thế Tôn đến, họ nói với nhau: -Ông Sa-môn trọc đầu kia đâu biết pháp gì! Bấy giờ, Thế Tôn bảo các trưởng giả Bà-la-môn: Trong hàng Bà-la-môn có người biết pháp, cũng có người không biết pháp; trong hàng Sát-lợi hay Trưởng giả có người biết pháp và cũng có người không biết pháp. T —Á rpl Á rp[• À 1 LÚC ay, The Ton liên noi kẹ: Không bạn muốn hơn bạn, Vua không phục khó phục, Vợ không mong hơn chồng, Con nào chẳng kính cha. Không hội, không người trí, Không trí, không nói pháp, Tham, sân, si đã dứt, Đó chính là người trí. Khi ấy, trưởng giả Bà-la-môn kia bạch Phật: Thiện sĩ Cù-đàm! Mời Ngài vào nhà, xin ngồi vào tòa này. Sau khi Thế Tôn an tọa, họ bạch Phật: Xin Cù-đàm thuyết pháp! Chúng tôi muốn nghe. Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp cho chúng trưởng giả Bà-la-môn kia nghe. Ngài đã mở bày, chỉ dạy, khích lệ và khiến cho họ hoan hỷ14 rồi, lại nói kệ:

12 Nguyên tác: Thiện giải thoát (,suvimuttaṃ. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.(r.02. 0099.22. 0004c20). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1180. 0319a200). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.94. 0407al6); s. 7.22 - i. 184. 14 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r02. 0099.92. 0023c18).

Ngu, trí cùng tụ hội, Không nói, đâu biết rõ? Khéo nói đạo tịch tinh, Nhờ nói mới thấu rõ. Người giảng bày Chánh pháp, Kiến lập cờ Đại tiên, Khéo nói là cờ Tiên, Pháp là cờ La-hán. Bấy giờ, Thế Tôn vì các trưởng giả Bà-la ở thôn xóm Bà-la-môn mà dựng lập Chánh pháp, mở bày, chỉ dạy, khích lệ và khiến cho họ hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi

đứng dậy rời đi. *** 1181. RUỘNG PHƯỚC THANH TỊNH15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la rồi đến làng Phù-lê, ngụ trong vườn Am-la của Bà-la-môn Thiên Tác.16 Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ma17 đang làm thị giả cho Phật. Khi đó, Thế Tôn bị đau lung nên bảo Tôn giả ưu-ba-ma: Thầy cất y bát xong, hãy đến nhà của Bà-la-môn Thiên Tác. Lúc này, Bà-la-môn Thiên Tác đang ở trong nhà, sai người chải đầu và chỉnh sửa râu tóc cho ông, chợt nhìn thấy Tôn giả ưu-ba-ma đang đứng ngoài cửa, ông liền dùng kệ hỏi: Vì sao cạo râu tóc, Thân mặc áo cà-sa,18 Đang đứng ngoài cửa d6, Muốn xin gì nơi ta? Tôn giả ưu-ba-ma nói kệ đáp: Đấng Thiện Thệ, La-hán, Bị trúng gió, đau lưng,19 Ông có nước an lạc, Chữa cho Mâu-ni chăng? Khi ấy, Bà-la-môn Thiên Tác đem ra một bát đầy tô lạc, một bình dầu, một bình đường phèn, rồi bảo người làm xách bình nước nóng đi theo Tôn giả Ưu- ba-ma đen cho The Ton. Đen nơi, Ton gia lay dâu xoa len than Thê Tôn, dùng nước nóng lau rửa, rồi khuấy tô lạc và đường phèn để Thế Tôn uống, Thế Tôn liền khỏe lại, không còn đau lưng. Sáng hôm sau, Bà-la-môn Thiên Tác dậy thật sớm, đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Sao gọi Bà-la-môn? Thí gì được quả lớn? Thí nào là đúng thời? Đâu là ruộng phước sạch?

15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.1181. 0319b 15. Tham chiếu: Biệt Tạp. 7.02. 010095. 0407012; s. 7.13 -1. 174. 16 Thiên Tác ,Devahita. 17 Ưu-ba-ma ,Upavāna. 18 Nguyên tác: Tăng-ca-lê Sañghāti, cũng gọi là Tăng-già-lê . 19 Nguyên tác: Hoạn bối phong tật .s. 7.13 - L 174: vātehābādhiko / vãtehãbãdhỉto bị cảm mạo.

The Ton noi kệ đáp: Nếu được Túc mạng trí, Thay cõi trơi, cõi ác,20 Sạch hết các hữu lậu, Bậc Mâu-ni Tam minh. Khéo biết tâm giải thoát, Giải thoát tất cả tham, Mới gọi Ba-la-mon, Thí vị này, phước lớn, Thí đây thí đúng thời, Là ruộng phước đáng gieo. Khi ấy, Bà-la-môn Thiên Tác nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh 1 Á _Ạ • ___ Ạ le roi ra ve. *** 1182. NGHỀ NÔNG20 21 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong rừng Sa-la. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn làm nghề nông ở cách rừng Sa-la không xa. Một hôm, ông dậy thật sớm đi vào rừng Sa-la thì thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung mạo đoan chánh, các căn thanh tinh, tâm thật vắng lặng, thành tựu đầy đủ pháp chí, quán bậc nhất. Thân Ngài sắc vàng, hào quang chiếu diệu. Thấy rồi, ông đi đến trước Phật, bạch rằng: - Thưa Cù-đàm! Tôi làm ruộng gần đây nên rất thích khu rừng này. Cù-đàm có làm gì ở đây không mà cũng thích ở trong khu rừng này? Rồi ông dùng kệ hỏi: Tỳ-kheo ở rừng này, Vì có sự nghiệp gi, Một mình ở chô văng, Vui gì trong rừng này? The Ton noi kẹ đáp: Vô sự ở rừng này, Rễ rừng chặt từ lâu, ở rừng mà lìa rừng, Luôn an vui thiền định. Khi ấy, Bà-la-môn nghe Phật nói xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi ra về. *** 1183. TÁN THÁN THẾ TỒN22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong rừng Sa-la.

20 Nguyên tác: Kiến thiên định thú sinh (saggāpāyañcapassatī). 21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1182. 0319c13). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02.

0100*96. 0407C21); s. 7.17-L 179. 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1183. 0319c27). Tham chiếu: Biệt /. (T.02. 010097. 0408a 10); J. 7.18-L 180.

1314 KINH TẠP A-HÀM

Bấy giờ, có vi Bà-la-môn cùng năm trăm thiếu niên Bà-la-môn sống bên cạnh khu rừng. Bà-la-môn ấy thường khen ngợi và mong muốn được gặp Thế Tôn: "Khi nào Thế Ton du hành đến khu rừng này5 nhân đó ta sẽ được gặp Ngài để hỏi những điều còn nghi. Không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho ta kh6ng?" Khi ây, có người đệ tử thiêu niên của Bà-la-môn ây vào rừng kiêm củi, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi bên cội cây, dung nghi đoan chánh, các căn văng lặng, tâm thể định tĩnh, thân như núi vàng, hào quang chiếu diệu, liền nghĩ: “Thầy mình thường khen ngợi và mong ước được gặp Ngài Cù-đàm để hỏi những điều còn nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm lại đang ở trong rừng này, ta phải chạy nhanh về báo cho thầy ta biết." Người đệ tử liền ôm bó củi chạy nhanh về, bỏ củi xuống rồi vội vàng đến thưa với thầy mình: Thưa thây! Lâu nay thây thường khen ngợi, kính ngưỡng và mong muôn Sa-môn Cù-đàm đên rừng này đê được gặp và hỏi những điêu còn nghi ngờ. Nay Sa-môn Cù-đàm đã đến rừng này, xin thầy biết đã đúng lúc. Khi ây, Bà-la-môn vội vã đên chô Phật, sau khi thăm hỏi xong, ngôi sang một bên và nói kệ: Một mình vào chốn nguy, Trong rừng rậm thâm u, Đứng vững không lay động, Khéo tu pháp chánh cần. Không ca múa âm nhạc, Im lặng ở chỗ vang, Tôi chưa từng thấy ai, Một mình vui rừng sâu. Muôn tìm ở thê gian, Đấng Tự Tại tăng thượng, Là trời Ba Mươi Ba, Tự tại vui cõi trời, Cớ sao vào rừng sâu, Khổ hạnh tự hư hao? The Ton noi kẹ đáp: r ,

Nêu còn nhiêu mong câu, Mê đăm nơi các cõi, Tất cả chúng đều là, Cội góc của ngu si. Những mong cầu như thế, Ta đã bỏ từ lâu, Không mong cầu, dối lừa, Tát ca không tiêp xúc. Đối với tất cả pháp, Chỉ quán chiếu thanh tịnh, Được vô thượng Bồ-đề, Thiên định tu chánh lạc. Bà-la-môn nói kệ: Nay con kính lễ Ngài, Đấng Mâu-ni tịch tịnh, Vua Thiền định vi diệu, Bậc Đại giác vô biên. Như Lai cứu trời, người, Vòi vọi như núi vàng, Giải thoát khỏi rừng rậm, ở rừng, không đắm trước. Đã nhổ sạch gai nhọn, Thanh tịnh không dấu vết, Thượng thủ hàng luận sư, Biện tài hơn tất cả, Sư tử trong loài người, Rông chân động rừng sâu.

QUYỂN 44 1315

Hiển bày khổ Thánh đế, Tập, diệt, tám Thánh đạo, Dứt hết các khổ tụ, Thanh tịnh không cấu uế. Giải thoát tất cả khổ, Cứu kho cho chúng sanh, Muốn chúng sanh an lạc, Nên diễn nói Chánh pháp. Bậc đã sạch ân ái, Xa lìa khỏi lưới dục, Dứt trừ hết tất cả, Trói buộc của hữu ái. Như hoa sen trong nước, Không dính bẩn bùn nhơ, Như mặt trời giữa không, Trong sáng, không mây che. Con hôm nay may mắn, Đen rừng Câu-tát-la, _ í Được gặp đang Đại sư, Bậc Thầy Lưỡng Túc Tôn. Đại Tinh Tấn trong rừng, Người độ sanh bậc nhát, Điều Ngự Sư trên hết, Kính lễ đấng Vô úy. Khi ây, Bà-la-môn nói kệ khen ngợi Phật xong, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ5 đảnh lễ Phật rồi ra về. *** 1184. TẮM BẰNG CHÁNH PHÁP23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm bên bờ sông Tôn-đà-lợi.24 Bấy giờ, Thế Tôn mới cạo

tóc. Vào lúc cuối đêm, Ngài lấy y trùm đầu rồi ngồi kiết-già, giữ thân ngay thẳng, thiền đinh tư duy, buộc niệm trước mặt. Khi ấy, bên sông Tôn-đà-lợi có một Bà-la-môn đang sống. Vao lúc cuối đêm, Bà-la-môn thức dậy đem những thức ăn cúng tế còn dư đi đến bờ sông, muốn tìm Bà-la-môn có đức độ lớn để cúng dường. Lúc đó, Thế Tôn nghe bước chân Bà-la-môn đi bên bờ sông liền lên tiếng đằng hắng rồi lấy chiếc y trùm đầu xuống. Bà-la-môn thấy Phật liền nghĩ thầm: "Bây là Sa-môn đầu trọc, không phải Ba-la-m6n." Ông ta định đem thức ăn trở về, nhưng lại nghĩ: "Dâu chỉ Sa-môn mới cạo trọc đau, trong hàng Bà-la-môn cũng có người cạo đầu. Ta nên đến đó để hỏi xuất thân của ông ấy." Bà-la-môn liên đi đen cho The Ton hỏi răng: Ngài thuộc dòng tộc nào? ' Ạ FTr • *1 Ạ 4. ỉ The Ton noi kê đáp: Ông chớ hỏi dòng họ, Chỉ nên hỏi việc làm, Dùi cây làm mồi lửa, Cũng có thể sanh lửa, Trong dòng họ hạ tiện, Sanh Mâu-ni kiên cường. Trí tuệ, biết tàm quý, Tinh tấn, khéo điều phục,

23 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1184. 0320ỒỒ21). Tham chiếu: Biêt Tạp. (r.02. 010099. 0408c27); s. 7.9 -1. 167. 24 Nguyên tác: Tôn-đà-lợi (Sundarikā).

Hào quang bao trùm khắp, Tu Phạm hạnh thanh tinh, Nay chính là đúng thời, Nên cúng thức ăn dư. Bà-la-môn nói kệ: Hôm nay con may mắn, Muốn cúng dường cầu phước, Gặp được đấng Đại sĩ, Tôn quý nhất ba đời, Nếu không được gặp Phật, Thời đã cúng người khác. Bấy giờ, Bà-la-môn ở bên sông Tôn-đà-lợi thay đổi niềm tin, liền đem thức ăn dư ấy dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn không nhận vì nhân nói bài kệ mà được vị Bà-la-môn này cúng dường. (Do nói kệ mà được thức ăn đã nói đầy đủ ở trên).25 Bà-la-môn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bây giờ, con phải đem thức ăn dư này để đâu? Phật đáp: -Ta không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn? Bà-la-môn? thiên thân hay người đời nào ăn thức ăn này vào mà thân thê được an ôn. Ong hãy đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng hoặc chỗ đất ít cỏ mọc. Khi ấy, Bà-la-môn liền đem thức ăn này bỏ vào trong nước không có trùng, nước liền bốc khói sôi lên thành tiếng xèo xèo. Ví như đem viên sắt nóng bỏ vào trong nước lạnh, nước liền bốc khói phát ra tiếng xèo xèo. Thức ăn đó cũng như thế, bỏ vào nước không có trùng, nước liền bốc khói sôi lên thành tiếng xèo xèo. Bà-la-môn kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc, cho là có tai họa, vội vàng chạy lên bờ gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để dứt sự tai quái kia. Thế Tôn thấy ông ta gom củi khô cúng dường đền thờ lửa để cầu dứt sự tai quái ấy, liền nói kệ: Bà-la-môn thờ lửa, Đốt cháy cây cỏ khô, Chớ cho đó thanh tịnh, Trừ được các họa tai. Cúng như vậy là sai, Lại nghĩ rằng sáng suốt, Tạo nhân duyên như thế, Ngoại đạo cho là tịnh. Ông hãy bỏ lửa củi, Đốt lên ngọn lửa lòng, Thường tu không buông lung, Siêng hành pháp cúng dường. Khởi tinh tín khắp nơi, Rộng bày hội bố thí, Tâm y là bo cui, Sân si là khói đen, Nói dối là bụi nhơ, Miệng lưỡi là thìa gỗ. Lòng dạ, nơi giữ lửa, Lửa dục thường đốt thiêu, Phải khéo tự điều phục, Xứng danh người dập lửa. Chánh tín là sông lớn, Tinh giới, bè qua sông, Dòng nước lắng trong sạch, Được người trí ngợi khen. Người thiện lương nơi đời, Nên tam rửa trong đó, Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia.*

25 Xem Tạp.(T.02. 0099.1157. 0308a03).

Chánh pháp là ao sâu,26 Phước đức là bến nước,27 Nước trong sạch đầy tràn, Được người trí tán thán. r

Người thiện lương ở đời, Nên tăm rửa trong đó,
Vào nước không ướt mình, An ổn qua bờ kia.
Chân đế khéo điều ngự, Nhiếp hộ tu Phạm hạnh,
Từ bi là khổ hạnh, Tâm chân thật thanh tịnh,
Dùng Chánh pháp tắm rửa, Được người trí khen ngợi,
Bây giờ, Bà-la-môn sông bên sông Tôn-đà-lợi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi trở lại đường cũ mà đi.
***

1185. NGHIỆP TỊNH DO MÌNH TỊNH28

___ \

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và nghỉ đêm trong khu rừng bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bấy giờ, có Bà-la-môn đang ở bên bờ sông Tôn-đà-lợi đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Ngài có đến tắm rửa trong sông Tôn-đà-lợi không? Phật đáp: -Vì sao phải tắm rửa ở sông Tôn-đà-lợi? Bà-la-môn thưa: -Thưa Cù-đàm! Sông Tôn-đà-lợi có nhiều khả năng cứu độ? có nhiều điều tốt lành, có nhiều sự thanh tịnh. Nấu người nào tắm trong dòng sông này, mọi điều xấu ác chắc chắn được tiêu trừ. Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Chẳng phải Tôn-đà-lợi,2930 Chẳng phải Bà-hưu-đa,3^ Chẳng Già-da-tát-la531 Những con sông như the, Đâu thể làm thanh tịnh, Những việc ác? bất thiện. Sông Hang, Bà-hiru-đa, Tôn-đà-lợi các song, Người ngu tắm ở đó, Không thể trừ hết ác. Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải tắm rửa?

26 Nguyên tác: Thâm uyên ().s. 7.9 - L 358: Rahada (ao, hồ). 27 Nguyên tác: Phước đức vi,).ế ()dùng theo nghĩa dừng nghỉ ().s. 7.9 - L 358: Sĩlatỉttho (Giới là bến nước tắm), HT. Thích Minh Châu dịch. 28 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1185. 0321a24). Tham chiếu: Thủy Tịnh Phạm chí lanh (r.oī. 0026.93. 0575al9); Tăng. it (702 0125.13 5. 0573c01); Ptew chỉ Ke Thủy Tịnh kỉnh (TOI. 0051. 0843c16); M. 7. Vatthūpama Sutta (Kinh ví dụ tâm vải). 29 Tôn-đà-lợi (,Sundarikā). 30 Bà-hưu-đa (Bāhukā) còn gọi là Bāhumatī. 31 Già-da-tát-la (Sarassatī; s. Sarasvatī), con sông linh thiêng ở Ấn Độ.

Những người thanh tịnh kia, Đâu cần phải trai giới?32 Nghiệp tinh do mình tịnh, Sanh ra nhờ thọ trì, Không sát sanh, frộm cướp, Không dâm, không nói dối Bố thí trừ keo kiệt, Trong đây mà tắm gội, Đối với khắp chúng sanh, Thường khởi lòng từ bi. Dùng nước giếng tắm rửa, Cần gì sông Già-da?33 Trong tâm tự thanh tịnh, Không đợi tắm bên ngoài. Đứa trẻ nghèo nhà quê, Thân thể nhiều dơ bẩn, Dùng nước rửa bụi bặm,

Không thể sạch bên trong. Bấy giờ, Bà-la-môn sống bên sông Tôn-đà-lợi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi. *** 1186. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (l)34 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có Bà-la-môn bện tóc35 tên là La-đậu-bà-giá36 vốn là người quen biết với Phật khi Ngài còn là Thái tử, đi đến chỗ Phật, thăm hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Người bện tóc ngoài thân, Chỉ gọi là bện tóc, Người bện tóc trong tâm? Là chúng sanh trói buộc, Nay xin hỏi Cù-đàm, Làm sao gỡ bện tóc? Đức Phật nói kệ đáp: Phải thọ trì tịnh giới, Trong tâm tu Chánh giác, Và nỗ lực siêng năng, Thì gỡ được bện tóc. Bấy giờ, Bà-la-môn bện tóc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 1187. BÀ-LA-MÔN BỆN TÓC (2)37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. 32 Nguyên tác: Bố-tát (Uposatho): Tụng giới, sám hối, trai giới... một hình thức sinh hoạt, hành trì nhằm trưởng dưỡng đạo tâm thanh tịnh. 33 Già-da (Gayā), một nhánh sông thuộc sông Hằng (Gañgā). 34 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.O2. 0099.1186. 0321b21). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. o 100 100. 0409C14); s. 7.6 - L 165. 35 Nguyên tác: Oanh kế (Jātā): Vị đạo sĩ bện tóc. 36 La-đậu-bà-giá (),gọi đủ là Bà-la-đậu-bà-giá (Bāradvāja). 3^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1187. 0321ỒỒ4). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.100. 0409c 14); s. 7.6 - L 165.

QUYỂN 44 1319

Bấy giờ, Bà-la-môn bện tóc tên La-đậu-bà-giá đến chỗ Phật thăm viếng, ân cần chào hỏi nhau xong, ngồi sang một bên rồi dùng kệ hỏi: Người bện tóc ngoài thân, Chỉ gọi là bện tóc, Người bện tóc trong tâm, Là chúng sanh trói buộc. Nay xin hỏi Cù-đàm? Người bện tóc như thế, Phải dùng cách thức gì? Đe đoạn trừ bện tóc? Đức Phật nói kệ đáp: Mắt, tai cùng với mũi, Lưỡi, thân, ý nhập xứ, Đôi với danh sắc kia, Đã diệt tận hoàn toàn, Các thức đã diệt rồi, Ngay đó trừ bện tóc. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn bện tóc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 1188. XÚNG ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền? thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình lặng lẽ tư duy, suy nghĩ như vầy: "Người không biết cung kính, không biết tôn ti trật tự sẽ gặp khổ lớn. Ngươi không biết sợ mình và kính trọng người sẽ bị mất đi lợi ích to lớn. Người biết cung kính, biết tôn ti trật tự, biết kính trọng người sẽ được sống an lạc. Người biết cung kính, biêt tôn ti trật tự, biêt kính trọng người sẽ có đây đủ lợi ích to lớn. Vậy có ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn5 thiên thần và loài người có đầy đủ giới dức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ta để cho Ta cung kính, tôn trọng, phụng sự? cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy kh6ng?" Ngài lại nghĩ: "'Không có một ai trong chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn9 Bà-la-môn5 thiên thần hay người thế gian có đầy đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Ta để Ta cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy. Chỉ có Chánh pháp giúp Ta tự giác ngộ, thành tựu giác ngộ hoàn toàn, nên Ta hãy cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào Chánh pháp. Vì sao như vậy? Vì chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường

và sống nương tựa vào Chánh pháp này; chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời tương lai cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa nơi Chánh pháp nay.59

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1188. 032ỈCÍ8). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. OlOOJOl. 04lba03); s. 6.2 - L 138; A. 4.21 - II. 20.

Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà biết được ý nghĩ trong tâm Thế Tôn. Sau khi biết như vậy, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật rồi khen ngợi rằng: - Lành thay! Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thiện Thệ! Những người lười biếng, không biết cung kính sẽ gặp kho lớn... (nói đầy đủ như trên, cho đến) đầy đủ lợi ích to lớn. Đúng là không có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên thần hay người thế gian nào có đay đủ giới đức, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hơn Thế Tôn để Thế Tôn cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa vào vị ấy. Chỉ có Chánh pháp mà Như Lai đã tự mình chứng ngộ, thành Đẳng Chánh Giác mới là nơi để Như Lai cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và nương tựa nơi đó. Vì sao như vậy? Vì chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời quá khứ cũng cung kính, tôn trọng, phụng sự, cúng dường và song nương tựa nơi Chánh pháp này; chư Như Lai, bậc ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thời vi lai cũng cung kính, tôn trpng, phụng sự, cúng dường và sống nương tựa nơi Chánh pháp này. Bấy giờ, Phạm thiên lại nói kệ: Bậc Chánh Giác quá khứ, Và chư Phật tương lai, Phật, Thế Tôn hiện tại, Khéo trừ khổ chúng sanh. Tất cả cung kính pháp, Song nương tựa Chánh pháp, Sự cung kính như vậy, Là pháp của chư Phật. Bấy giờ, Phạm thiên vương nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ5 lạy sát chân -pfc-l AJ À • 1 • Á ___ Á J

Phật roi biên mát. *** 1189. CON ĐƯỜNG TRỰC TIẾP (3)39 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề? bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, Thế Tôn một mình lặng lẽ tư duy, suy nghĩ như vầy: “cg một 40 tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, con đường trực tiếp39 chứng ngộ Niết-bàn, đó là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ trên thọ, niệm xứ quán tâm trên tâm và niệm xứ quán pháp trên pháp. Nếu người nào không thích tu tập bốn niệm xứ thì cũng không thích pháp của bậc Thánh. Người nào không thích pháp của bậc Thánh thì cũng không thích con đường dẫn đến quả vi Thánh. Người nào không thích con đường dẫn đến quả vị Thánh thì cũng không thích

39_Tựa đề đặt theo nội dung kinh..(T.02. 0099.1189. 0322a28). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.102. 041Ồbl0); Biệt «02. 0101.4. 0494al7); S. 47.43 - v. 185. 40 Nguyên tác: Nhất thừa đạo ().Xem chú thích 66, kinh số 535, quyển 19, tr. 591; Tạp.(02. 0099.535. 0139al6).

pháp Niết-bàn. Người nào không thích pháp Niết-bàn thì không thể thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Nếu người nào thích tu bốn niệm xứ thì cũng thích tu pháp của bậc Thánh. Người nào thích pháp của bậc Thánh thì cũng thích con đường dẫn đến quả vị Thánh. Người nào thích con đường dẫn đến quả vi Thánh thì cũng thích pháp Niết-bàn. Người thích pháp Niết-bàn sẽ thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não.^ Bấy giờ? Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà5 biết được ý nghĩ của Phật. Sau khi biết như vậy, nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật rồi khen ngợi rằng: Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thiện Thệ! Có một con đường trực tiếp, tịnh hóa chúng sanh, thoát mọi lo buồn, diệt trừ khổ não, chứng nệộ Niêt-bàn, đó là bốn niệm xứ... {cho đến) giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, lo, buồn, khổ, não. Khi ấy, Phạm thiên vương lại nói kệ: Thật có một con đường, Mở bày khắp các cõi,41 Diễn nói về Chánh pháp, An ủi chúng sanh kho. Chư Phật thời quá khứ, Nương đường này được độ? Chư Phật đời vị lai, Cũng nhờ nương đường này. Đấng Chánh Giác hiện tại, Nương đây qua biển lớn, Vượt thoát bờ sanh tử, Điều phục tâm thanh tịnh. Vòng sanh tử luân hồi, Đều đã dứt trừ hết, Biết rõ các cảnh giới, Tuệ nhãn thấy chánh đạo. Giống như nước sông Hằng, Đều chảy về biển cả, Dòng nước cuồn cuộn xa, Chánh đạo cũng như thế, Trí rộng khéo hiển bày, Chóng được pháp Niết-bàn. Bánh xe pháp thù thang, Chúng sanh chưa được nghe, Ngài vì thương chúng sanh, Đã giảng thuyết cho họ. Hộ trì chúng trời, người, Đưa họ qua bờ giác, Do vậy hàng chúng sanh, Đều cúi đầu đảnh lễ. Bấy giờ, Phạm thiên vương nghe Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, lạy sát chân Phật rồi biến mất. *** 1190. MINH, HẠNH ĐẦY ĐỦ41 42 Tôi nghe như vầy:

41 Nguyên tác: Kiến sanh chư hữu biên ().Kiến sanh (/ Phát sarủi sự hiểu biết; Chư hữu biên ()Các cảnh giới chúng sanh nói chung. Xem thêm Tạp.(r02. 0099.1345. 0370c07): Kiến sanh tử hữu biên (M). 42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1190. 0322c04). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100J03. 041ỒC21); s. 6.11 - L 153.

1322 KINH TẠPA-HÀM

Một thời, đức Phật ngồi nơi cội Bồ-đề, bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc làng uất-tỳ-la, khi Ngài vừa thành đạo chưa bao lâu. Bấy giờ, vào lúc cuối đêm, có Phạm thiên vương, chúa te cõi ta-bà? với sắc thân tuyệt diệu, đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Trong số các dòng tộc, Lưỡng Túc43 dòng Sát-lợi, Là bậc đủ minh, hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Phật đáp: Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy, Phạm thiên! Trong số các dòng tộc, Lưỡng Túc dòng Sát-lợi? Là bậc đủ minh, hạnh, Tối thắng giữa trời, người. Đức Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chúa tê cõi ta-bà, nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ9 lạy sát chân Ngài rồi biến mất. ***

1191. VUI CẢNH THANH VẮNG44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và dừng nghỉ qua đêm tại một nơi thanh vang không có thôn xóm. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe về pháp tùy thuận A-lan-nhã. Khi ấy, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà, khởi nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn cùng với chúng Tỳ-kheo đang du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát- la

và dừng nghỉ qua đêm tại một nơi thanh vang không có thôn xóm. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói cho các Tỳ-kheo nghe về pháp tùy thuận A-lan-nhã, vậy ta nên đến đó tùy thuận khen ngợi?5 Nghĩ vậy xong, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, Phạm thiên vương biến mất khỏi cõi trời và hiện ra trước Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và nói kệ: Thường ngôi chô thanh văng, Đoạn trừ các phiên não, Nếu không thích chỗ vắng, Vào chúng, tự nhiếp hộ. Tự điều phục tâm mình, Hành khất thực từng nhà, Khéo giữ gìn các căn, Chuyên cần nhiếp tâm niệm Sau đó ở chỗ vắng, Ngồi tòa a-lan-nhã, Xa lìa các sợ hãi, Sống an ổn, vô úy. Nêu có các hiêm nguy, Rắn dữ, các độc hại, r 9 Mây đen tối bủa vây, Sâm chớp nô vang trời, Nhờ lìa các não phiền, Nên ngày đêm an ổn. Như pháp con đã nghe, Ngay cả chưa rốt ráo,

43 Nguyên tác: Lưỡng Túc T6n (),tôn hiệu của Phật. 44 Tựa đề đặt theo nọi dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1191. 0322CÍ2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. o 100 104. 0411a02); s. 6.13 -I. 154.

QUYỂN 44 1323

Ngài chuyên tu Phạm hạnh, Không sợ ngàn ma chướng. Như tu đến giác ngộ, Chẳng sợ hàng vạn ma, Độ người Tu-đà-hoàn? Hoặc đắc Tư-đà-hàm5 Và chứng A-na-hàm, Số đó cũng vô lượng, Chẳng thể tính kể được, Không dám nói hư dối. Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà, nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ Phật rồi biến mất. *** 1192. CHƯ THIÊN TẬP HỢP45 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ trong rừng Đại Lâm ở nước Ca-tỳ-la-vệ46 cùng với năm trăm Tỳ-kheo, đêu là những bậc A-la-hán đã sạch mọi phiên não, việc cân làm đã xong, đã buông gánh nặng, chóng được lợi mình, sạch hết kiết sử, thành tựu chánh trí, tâm được giải thoát. Bấy giờ, Thế Tôn đang nói pháp liên hệ đến Niết-bàn cho đại chúng nghe. Khi ây, có chư thiên oai lực trong đại chúng ở mười phương thê giới đêu vân tập để cúng dường Thế Tôn và Tỳ-kheo-tăng. Lại có các Phạm thiên vương ở cõi Phạm nghĩ rằng: "H6m nay, đức Phật đang ngụ tại nước Ca-tỳ-la-vệ... (nói đầy đủ như trên, cho đến) cúng dường Thế Tôn và đại chúng. Bây giờ, chúng ta hãy đến đó để khen ngọd." Nghĩ như thế rồi, nhanh như lực sĩ duỗi cánh tay, các vị ấy biến mất khỏi Phạm thiên và hiện ra trước Phật. Phạm thiên thứ nhất nói kệ: Trong rừng Đại Lâm này, Đại chúng đều vân tập, Chúng chư thiên mười phương, Đều đến kính cúng dường, Con từ xa đến lễ, Chúng tối thắng, kiên cường. Phạm thiên thứ hai nói kệ: Chư Tỳ-kheo-tăng này, Tâm chân thật, tinh tấn, ở trong rừng Đại Lâm, Nhiếp căn, cầu giải thoát. Phạm thiên thứ ba nói kệ: Đã khéo léo nhổ bỏ, Chiếc gai nhọn ân ái, 9 Vững vàng, không lay chuyên, Như phướn trời Đế-thích. Vượt dòng nước, hào sâu, Thanh tinh, không mong cầu, Bậc Đạo sư khéo độ, Điêu phục mọi rông chúa.

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1192. 0323al2) Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0l00l05. 04lìa24); Đại hôi Kinh (r.Ol. 000Í.19. 0079b0l); Đại Tam-ma-nhạ kỉnh M(roi. 0019 02§8aÌ0); S. 1.37 - L 26. 46 Ca-tỳ-la-vệ Ca-tỳ-la-vệ lâm ().Xem kệ bên dưới: Ư thử Đại Lâm trung ( ).Xem thêm s. l.37 -L 26: Kipilavatthusmim Mahāvane (trong rừng Đại Lâm, ở Kaplilavatthu).

Phạm thiên thứ tư nói kệ:
Ai quy y nơi Phật, Trọn không đọa đường ác,
Có thể bỏ thân người, Được thân trời an lạc.
Mỗi vị nói kệ xong, bốn vị Phạm thiên liền ẩn hình rồi biến mất.
***
1193. TỲ-KHEO CÙ-CA-LÊ (l)47
Tôi nghe như vậy:
Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá.
Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi tabà, hằng ngày thường đến chỗ
Phật để cung kính cúng dường. Một hôm, Phạm thiên vương khởi nghĩ: "Sáng nay còn quá sớm để đến hầu thăm Phật. Có thể giờ này Thế Tôn đang tọa thiền, vậy ta nên đến phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê48 thuộc nhóm Đề-bà-đạt-đa?5 Nghĩ vậy xong, vua trời liền đến trước phòng của Cù-ca-lê gõ cửa và nói:
-Cù-ca-lê! Cù-ca-lê!^ Thầy nên khởi lòng tin thanh tịnh với Tôn giả Xá-lợiphất và Mục-kiền-liên, nếu không thầy sẽ chịu khổ lâu dài và không được lợi ích.
Cù-ca-lê nói:
- Ông là ai?
Phạm thiên đáp:
Ta là vua Phạm thiên, chúa tể cõi ta-bà.
Cù-ca-lê nói:
Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc A-na-hàm phải không?
Phạm thiên đáp:
Đúng vậy, thưa Tỳ-kheo!
Cù-ca-lê nói:
- Vì sao ông đến đây?
Phạm thiên đáp:
Người này không thể thay đổi!
Rồi nói kệ:
Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường,
Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này?
Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối.
Bấy giờ, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà? đi đến chỗ Phật, lạy sát chân
Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa:
4^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. (T.02. 0099.1193. 0323ỒỒ09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.106. 0411b24); Biệt p(T.02. 0101.5. 0494b20); s. 6.7-8-L 148; s. 6.9
- L 149. 48 Cù-ca-lê (,Kokālika).

Bạch Thế Tôn! Hằng ngày con thường đi đến chỗ Phật để gần gũi và cúng dường. Con suy nghĩ: "Sápg nay còn quá sớm để đến hầu thăm Phật. Có thể giờ này Thê Tôn đang tọa thiền, vậy ta nên đến phòng của Tỳ-kheo Cù-ca-lê thuộc nhóm Đê-bà-đạt-đa.55 Nghĩ vậy xong, con liên đên trước phòng của Cù-ca-lê gõ cửa và nói: aíCù-ca-lê! Cù-ca-lê! Thầy nên khởi lòng tin thanh tịnh với bậc hiền thiện trí tuệ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nếu không thầy sẽ chiu khổ lâu dài và không được lọd ích." Cù-ca-lê lại hỏi con: “Ong là ai?” Con đáp: "Ta là vua Phạm thiên, chúa tể cõi tabà." Cù-ca-lê lại hỏi con: “Thế Tôn không thọ ký cho ông đắc quả A-na-hàm phải kh6ng?" Con đáp: "Đúng vậy!" Cù-ca-lê lại nói với con: "Vi sao ông đến đây?59 Con liền nghĩ: "Người này không thể thay đổi!95 Rồi con nói kệ: Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường, Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này? Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối. Phật dạy: -Đúng vậy, đúng vậy! Phạm vương! Nơi chỗ không thể lường, Mà sanh tâm đo lường, Đâu có người trí nào, Lại sanh giác tưởng này? Vô lượng mà muốn lượng, Là phàm phu u tối. Đức Phật nói kinh này xong, Phạm thiên vương, chúa tể cõi ta-bà nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy lễ Phật rồi biến mất. *** 1194. ĐỘC GIÁC PHẠM THIÊN49 . Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. 49 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1194. 0323c 16). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100J07. 0412a05); s. 6.6 - L 146.

1326 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Đại Phạm thiên vương cùng với một vi Độc giác Phạm thiên khác tên là Phạm thiên Thiện Ty,50 hằng ngày siêng năng đên thăm viêng và cúng dương The Ton. Khi ấy, có Phạm thiên Bà-cú*51 thấy Độc giác Phạm thiên Thiện Tý siêng năng tinh cần như vậy liền hỏi: -Ong muôn điêu gì vậy? Thiện Tý đáp: - Muốn thăm viếng và cung kính cúng dường Thế Tôn. Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ: Với bốn loài thiên nga, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai, Người tu hành thiền định. Thân sác vàng rực rỡ, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó? Khi ấy, Thiện Phạm thiên và Độc giác Phạm thiên Thiện Tý lại nói kệ đáp: Ông chỉ có thân vàng, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Vị này có trí tuệ, Biêt săc có phiên não, Người trí không thích sắc, Nên tâm được giải thoát. Bấy giờ, Thiện Phạm thiên và Độc giác Phạm thiên Thiện Tý đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Bạch Thế Tôn! Nay con tinh tấn, muốn đến hầu thăm và cung kính cúng dường Thế Tôn. Phạm thiên Bà-cú thấy con siêng năng như vậy thì hỏi: "Nay ông siêng năng như vậy là muốn điều gi?" Con đáp: "Muốn đến thăm viếng, lễ bái và cúng dường Thế Ton!" Phạm thiên Bà-cú liền nói kệ: Với bốn loài thiên nga, Ba cung điện vàng ròng, Năm trăm bảy mươi hai, Người tu hành thiền định. Thân sắc vàng rực rỡ, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Ông hãy nhìn thân ta, Đâu cần đi đến đó? Con nói kệ đáp lại: Ong chỉ có thân vàng, Chiếu sáng cung Phạm thiên, Nên biết sắc vàng ròng, Chính là sự phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đôi sác không còn ưa. Phật nói với Phạm thiên: Đúng vậy, Phạm thiên! Đúng vậy? Phạm thiên!

Biệt Phạm thiên 50'S. 6.6 -1. 146: Paccekā Brahmā. HT. Thích Minh Châu dịch là Bích-chi Phạm thiên, tức là Độc giác Phạm thiên, có tên Thiện Tý. 51 Bà-cú Phạm thiên

Baka Brahmā.

QUYỂN 44 1327

Chỉ có thân vàng ròng, Chiêu sáng cung Phạm thiên, Phải biết sắc vàng ấy, Chính là sự phiền não, Người trí giải thoát sắc, Đối sắc không còn ưa. Khi ấy, vi Phạm thiên ấy vì Tỳ-kheo Ca-tra-vụ-đà-đê-sa52 mà nói kệ: Người sanh ở thế gian, Búa bén ở trong miệng, Trở lại chém thân mình, Cũng vì lời nói ác. Điều đáng chê lại khen, Điều đáng khen lại chê, Ác khẩu tăng thêm lỗi, Sống đời không an vui. Cờ bạc, rượu tán tài, Lỗi này còn rất nhẹ, Ác tâm đối với Phật, Mới là tội rất nặng. Cả trăm ngàn địa ngục, Tên Ni-la-phù-đà9 Ba ngàn sáu trăm ngục, Và năm A-phù-đà? Là ngục chê Thánh hiền, Do ác nghiệp miệng, ý. Đức Phật nói kinh này xong, các Phạm thiên nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ và tùy hỷ, cúi đầu lạy chân Phật rồi biến mất. *** 1195. PHẠM THIÊN BÀ-CÚ53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Phạm thiên Bà-cú ở trên cung điện Phạm thiên khởi lên nhận thức sai lầm, tà vạy như vầy: Cõi này trường tồn, thường hằng, không phải pháp biến đổi, là nơi hoàn toàn giải thoát.54 Bấy giờ, Thế Tôn biết ý niệm của Phạm thiên Bàcú, Ngài liền nhập chánh định. Với chánh định như vậy, Ngài biến mất khỏi thành Vương Xá và hiện ra ở cối Phạm thiên. Phạm thiên Bà-cú trông thấy Phật từ xa liền nói kệ: Phạm thiên ta đã tạo, Bảy mươi hai phước nghiệp, Tự tại và thường trụ, Đã vượt sanh, già, chết. Với kinh luận Vệ-đà, Ta đã tu viên mãn, Trong hàng chư thiên kia, Chỉ có ta trường tồn.

52 Ca-travụ-đặ-đê-sa ()được dịch âm từ Katamorakatissa, con trai của Khandadevī. Theo Tiểu phẩm (Cullavaggạ, Chương chia rẽ hội chúng (Sañghabhedakkhandhakarri), vị này là một thành viên trong nhóm củaĐề-bà-đạt-đa (Devadatta), gomKokālika, Katamorakatissa va Samuddadatto. 53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1195. 0324a03). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100J08. 0412a07); s. 6.4 - L 142. 54 Nguyên tác: Thử xứ thường, hằng, phi biến dị pháp, thuần nhất, xuất ly chi xứ ( ).S. 6.4 -1. 142: Idam niccarn, idam dhuvam, idam sassatarn, idāni kevalarn, idarn acavanadhammam, idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, ito ca panañňam uttari nissarariarn natthi (Đây là thương. Đây la thường hằng. Đây là thường tni. Đây là viên mãn. Đây là bất động. Đây là không sanh, không già, không chét, không diệt, không khởi. Và ngoài đây ra, không có một sự giải thoát nào khác), HT. Thích Minh Châu dịch.

1328 KINH TẠPA-HÀM

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ đáp: Đời này thật ngắn ngủi, Chứ đâu phải dài lâu5 Mà Phạm thiên Bà-cú, Tự cho là sống lâu. Ngục Ni-la-phù-đa,5556 Thọ đen trăm ngàn năm, Ta đều nhớ biết hết, Ông tự nói trường tồn. Phạm thiên Bà-cú dùng kệ hỏi: Chỗ thấy của Thế Tôn, Số kiếp không giới hạn, Sanh, già, chết, lo, buồn, Thảy đều là quá khứ. Xin nói cho con biết, Trải qua trong quá khứ, Con giữ giới nghiệp g Được sanh đên cõi này? Thế Tôn nói kệ đáp: y Kiếp quá khứ lâu xa, Giữa ruộng đông hoang văng, Có các chúng tu hành, Nhiều Thánh hiền Phạm hạnh, Đói kém, không đủ ăn? Ông đến cứu giúp họ. Liên tục bằng từ tâm, Nhiều kiếp không thoái thất, Quá khứ ông là thế, Nên

nhận được công đức, Ta đều nhớ biết hết, Xa, gân, như ngủ, thức. Quá khứ có thôn xóm, Bị giặc đến cướp bóc, Khi ấy ông đến cứu, Khiến họ được cứu thoát. Đó chính là phước nghiệp, Ông tạo ở quá khứ, Ta nhớ nhân duyên này, Xa, gần như ngủ, thức. Quá khứ có nhiều người, Đi thuyền trên sông Hằng, Bị rồng dữ phá thuyền, Muốn hại hết mạng người, Ông đã dùng thần lực, Cứu họ được giải thoát. Đây chính là phước nghiệp, Ông tạo ở quá khứ, Ta nhớ nhân duyên này, Xa, gần như ngủ, thức. Phạm thiên Bà-cú lại nói kệ: Ngài biết rõ thọ mạng, Từ xưa nay của con, Cũng biết mọi việc khác, Đây là đấng Chánh Giác. Cho nên được thọ thân, Sắc vàng ròng sáng chói, Thân Ngài đứng ở đây, Chiếu sáng khắp thế gian. Bấy giờ, Thế Tôn vì Phạm thiên Bà-cú mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ rồi/6 Ngài nhập định và biến mất ở cõi trời Phạm, trở về thành Vương Xá. ***

55 Ni-la-phù-đa Nirabbuda. 56 Nguyên tác: Thị, giáo, chiểu, hỷ ,.Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.T.02. 0099^2. 0023c 18.

QUYỂN 44 1329

1196. TÀ KIẾN57 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Phạm thiên ở trên cõi Phạm thiên khởi lên nhận thức sai lầm, tà vạy như vầy: -Cõi này trường tồn, thường hằng, không biến đổi, là cõi hoàn toàn giải thoát; chưa từng thây có ai đên cõi này, huông là có người vượt lên trên cõi này sao! Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của vị Phạm thiên này, Ngài liền nhập chánh đinh. Với chánh định như vậy, Ngài biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ở cung Phạm thiên. Ngài ngồi kiết-già ở giữa hư không, ngay trên đỉnh đầu vi Phạm thiên kia, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm trước mặt. Bấy giờ, Tôn giả A-nhã-câu-lân khởi nghĩ: "Hom nay, Thế Tôn đang ở dâu?" Tôn giả liền dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy rồi, Tôn giả liền nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Đông, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhung phía trên tòa của Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dâu?” Rồi Tôn giả liền dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quan sát thì thây Thê Ton đang ơ trên cõi Phạm thiên. Thây roi, Tôn giả liên nhập chánh đinh. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi thành Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Nam, mặt hướng ve Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhung phía trên tòa của Phạm thiên. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dâu?" Rồi Tôn giả liền dùng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thây Thê Tôn đang ơ trên cõi Phạm thiên. Thây roi, Ton giả liên nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Tây, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhưng phía trên tòa của Phạm thiên. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cũng khởi nghĩ: "Hôm nay, Thế Tôn đang ở dau?99 Rồi Ton giả liền dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người đời để quán sát thì thấy Thế Tôn đang ở trên cõi Phạm thiên. Thấy

rồi, Tôn giả liền nhập chánh định. Với định lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi nước Xá-vệ và

57 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1196. 0324c17). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. o 100 109. 0412C19); s. 6.5 - L 144.

hiện ra ở cõi Phạm thiên từ phương Bắc, mặt hướng về Phật, giữ thân ngay thẳng, buộc niệm mà ngồi kiết-già bên dưới tòa của đức Phật nhimg phía trên tòa của Phạm thiên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên: Ông nay còn khởi lên nhận thức sai lầm rằng: “Từ xưa đến nay chưa từng thấy ai vượt len trên ta" chăng? Phạm thiên bạch Phật: Hôm nay, con không còn dám nói rằng: "Ta chưa từng thấy có ai vượt lên trên ta", chỉ thấy ánh sáng của Phạm thiên bị che mờ. Lúc ấy, Thế Ton vì Phạm thiên kia thuyết nhiều bài pháp nhằm mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ xong, Ngài liền nhập định. Với định lực như vậy? Thế Tôn biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ. Rồi các Tôn giả A-nhã-câu-lân? Ma-ha Ca-diếp va Xá-lợi-phất cũng thuyết nhiều bài pháp cho Phạm thiên kia nghe. Sau khi thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ? khiến cho hoan hỷ xong, các Tôn giả liền nhập chánh định và bằng đinh lực như vậy, quý ngài biến mất khỏi cõi Phạm thiên, trở về nước Xá-vệ? chỉ còn Tôn giả Mục-kiền-liên vẫn ở lại đó. Bấy giờ, Phạm thiên hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên: -Các vị đệ tử khác của Thế Tôn đều có oai đức lớn và thần lực lớn như thế chăng? Tôn giả Mục-kiền-liên liền nói kệ: Đức lớn, đủ Ba minh, , Thông đạt rõ tâm người, r r • A

Các La-hán sạch lậu, Sô ây nhiêu vô lượng. Bây giờ, Tôn giả Mục-kiên-liên cũng thuyết nhiêu bài pháp cho vi Phạm thiên kia nghe. Sau khi mở bày, dạy bảo, khích le, khiến cho hoan hỷ xong, Tôn giả liền nhập chánh định và bằng đinh lực như vậy, Tôn giả biến mất khỏi cõi Phạm thiên và trở ve nước Xá-vệ. ***

1197. NHẬP DIỆT5859 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật nằm giữa hai cây Sa-la trong rừng Sa-la,59 nơi vùng đất của bộ tộc Lực Sĩ,60 nước Cau-thi-na-kỉẹt.61 Bấy giờ, Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn. Ngài bảo Tôn giả A-nan:

5^Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1197. 0325ỒỒ3). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. o 100 110. 0423a27); 5. 6.15 - L 157. 59 Nguyên tác: Kiên cố (). 60 Nguyên tác: Lực Sĩ sanh địa ( )Sinh quán của bộ tộc Mallā (Lực Sĩ). 61 Câu-thi-na-kiệt (Kusinārā).

Thầy hãy trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Vào nửa đêm nay Như Lai sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Khi ấy, Tôn giảA-nan vâng lời Thế Tôn dạy, trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc. Trải giường xong, Tôn giả trở lại chỗ Thế Tôn, lạy sát chân Ngài và thưa: Bạch Thế Tôn! Con đã trải giường dây ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phía Bắc xong rồi. Bấy giờ, Thế Tôn đi đến giường dây, nằm nghiêng hông phải, đầu hướng vê phía Bác, hai chân xép chông lên nhau, buộc niệm vào tưởng ánh sáng. Đên nửa đêm, Thế Tôn ở nơi Vô dư

Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Phật vừa Bát-niết- bàn, hai cây Sa-la liền ra hoa và rũ xuống xung quanh để cúng dường Thế Tôn. Khi ấy, có vi Tỳ-kheo nói kệ: Đẹp thay cây Sa-la, Nghiêng cành xuống lễ Phật, Nở hoa thơm cúng dường, Đại sư Bát-niêt-bàn. Rồi thì Thích-đề-hoàn-nhân nói kệ: Tất cả hành vô thường, Đều là pháp sanh diệt, Tuy sanh liền đến diệt, Tịch diệt này là vui. LÚC ây, Phạm thiên vương, chúa tê cõi ta-bà nói kệ: Mọi vật trên thê gian, CÓ sanh đều sẽ mất, Cũng vậy, Thánh Đại sư, Trên đời không ai bằng. Đầy đủ lực Như Lai, Làm mắt sáng cho đời, Nhimg rồi cũng phải diệt, Vào VôdưNiết-bàn. Tôn giả A-na-luật-đà nói kệ: Giữ hơi thở ra vào, Trụ tâm khéo nhiếp hộ5 Từ chô nương mà đên, Thế gian Bát-niết-bàn. Sợ hãi lớn tương sanh, Thân nổi đầy gai ốc, Đủ tất cả hành lực? Đại sư Bát-niết-bàn. Tâm kia không biếng nhác, Cũng không vướng các ái, Tâm, pháp đều giải thoát, Như củi hết, lửa tắt. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan đến bên bảo tháp rồi nói kệ: Thân báu của Đạo sư, Lên đến cõi Phạm thiên, Đại thần lực như thế, Dùng nội hỏa thiêu thân, Thân năm trăm lụa quân, Thảy đều thiêu rụi hết. Một ngàn tấm y mịn, Mặc trên thân Như Lai, Chỉ hai tấm không cháy, Là thượng y, áo lót. Khi Tôn giả A-nan nói kệ này, các Tỳ-kheo im lặng mặc niệm.62

62 Bản Hán, hết quyển 44.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.